

Số: 202/2023/QĐST-HNGĐ

Ba Đình, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2023/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh Trần Văn S. Sinh năm: 1991. HKTT và nơi cư trú: xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Nguyễn Thị Phương H. Sinh năm: 1991. HKTT: xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Nơi làm việc: phường Công Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của Anh Trần Văn S và Chị Nguyễn Thị Phương H là hợp pháp tại UBND xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 20 tháng 12 năm 2013, Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2013, quyển số 01/2013.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và Chị Nguyễn Thị Phương H thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Trần Văn S và Chị Nguyễn Thị Phương H xác nhận có hai con chung là cháu Trần Văn Tiến Đạt, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2014 và cháu Trần Văn Tiến Phát, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2016. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị Hà là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà không yêu cầu anh Suốt cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung đối với anh Suốt cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh Trần Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Trần Văn S và Chị Nguyễn Thị Phương H xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Trần Văn S và Chị Nguyễn Thị Phương H xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Phương H tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007616 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung